

Bản án số: 136/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/09/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;
2. Ông Nguyễn Đoàn Đăng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/KTST ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2022/QĐST-DS ngày 09/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Trụ sở: đường H, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Đức N, sinh năm: 1968; địa chỉ: đường C, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 49/GUQ-NHNoTB-THO ngày 06/01/2021) – Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A;

Địa chỉ: đường P, khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ T, sinh năm: 1964 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

3. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Võ Hoàng H, sinh năm 1990; năm 1990; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

6. Bà Võ Hoàng L, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1952; Địa chỉ: đường P, Khu phố 5, phường Đ, Quận 2 (Nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

9. Ông Võ Xuân M, sinh năm 1987; địa chỉ: 118/90/7 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam ông Lê Đức N trình bày:

Ngày 26/10/2018, Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bị đơn Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139, cụ thể:

+ Hạn mức cấp tín dụng là: 57.000.000.000 (Năm mươi bảy tỷ) đồng.

+ Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9,0%/năm. Lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy, báo cháy, chống sét.

+ Thời hạn cho vay: 12 tháng

+ Tính đến hết ngày 27/09/2022, Công ty TNHH Xây dựng Phòng cháy chữa cháy Hàn Nguyên còn dư nợ tại Ngân hàng là 52.370.000.000 đồng, theo các giấy nhận nợ sau:

STT	SỐ GIẢI NGÂN	NGÀY GIẢI NGÂN	NGÀY ĐẾN HẠN	SỐ TIỀN VAY (VND)
1	6360-LDS-2019001238	7/5/2019	7/11/2019	8.100.000.000
2	6360-LDS-2019001267	9/5/2019	9/11/2019	7.400.000.000
3	6360-LDS-2019001296	13/5/2019	13/11/2019	2.500.000.000
4	6360-LDS-2019001323	15/5/2019	15/11/2019	8.300.000.000
5	6360-LDS-2019001351	17/5/2019	17/11/2019	8.760.000.000
6	6360-LDS-2019001771	26/6/2019	26/12/2019	7.400.000.000
7	6360-LDS-2019001856	5/7/2019	5/1/2020	9.910.000.000
	Tổng			52.370.000.000

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A, ông Nguyễn Xuân M đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6360-LCL-201801077 ngày 30 tháng 10 năm 2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6360-LCL-201801256 ngày 27 tháng 12 năm 2018 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bằng hai tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường Đ, Quận 2, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 874521, số vào sổ cấp GCN: CH00555 do UBND quận 2 cấp ngày 07/09/2010, cập nhật chuyển nhượng ngày 12/12/2018 thuộc sở hữu của ông Võ Xuân M .

- Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường H, Khu phố 5, phường N, Quận 12, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797612679101403, hồ sơ gốc số: 3599/2009.UB.GCN do UBND Quận 12 cấp ngày 31/07/2009, cập nhật chuyển nhượng ngày 29/05/2018 thuộc sở hữu của ông Võ Xuân M .

Các khoản nợ trên của Công ty TNHH Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã quá hạn. Ngân hàng đã gửi thông báo, làm việc nhiều lần với Công ty, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay Công ty vẫn chưa thực hiện việc trả nợ.

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải trả nợ cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tính đến ngày 27/9/2022 như sau:

Căn cứ theo Điều 5- “trả nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ tài chính khác” của hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018 và lãi suất tại thời điểm nhận nợ được ghi rõ trên từng giấy nhận nợ thì số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn được tính như sau:

Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn. Trong đó:

+ Lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc trong hạn nhân (x) số ngày dư nợ trong hạn nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn năm chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

+ Lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn được tính bằng (=) dư nợ gốc bị quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn năm chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

Chi tiết theo từng giấy nhận nợ như sau:

1. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001238 giải ngân ngày 07/05/2019, ngày đến hạn 07/11/2019, quá hạn từ ngày 08/11/2019; dư nợ 8.100.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	07/05/2019	27/09/2022	1240	9,5%	8.100.000.000	2.614.191.781

Lãi quá hạn	08/11/2019	27/09/2022	1055	4,75%	8.100.000.000	1.112.085.616
Dư nợ gốc						8.100.000.000
Lãi trong hạn						2.614.191.781
Lãi quá hạn						1.112.085.616
Tổng						11.826.277.397
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						449.052.682
Lãi quá hạn đã trả						-
Tổng						449.052.682
Dư nợ gốc chưa trả						8.100.000.000
Lãi trong hạn chưa trả						2.165.139.099
Lãi quá hạn chưa trả						1.112.085.616
TỔNG CHƯA TRẢ						11.377.224.715

2. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001267: 7.400.000.000 đồng giải ngân ngày 09/05/2019, ngày đến hạn 09/11/2019, quá hạn từ ngày 10/11/2019; dư nợ 7.400.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	09/05/2019	27/09/2022	1238	9,5%	7.400.000.000	2.384.421.918
Lãi quá hạn	10/11/2019	27/09/2022	1053	4,75%	7.400.000.000	1.014.053.425
Dư nợ gốc						7.400.000.000
Lãi trong hạn						2.384.421.918
Lãi quá hạn						1.014.053.425
Tổng						10.798.475.342
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						406.391.780

Lãi quá hạn đã trả	-
Tổng	406.391.780
Dư nợ gốc chưa trả	7.400.000.000
Lãi trong hạn chưa trả	1.978.030.138
Lãi quá hạn chưa trả	1.014.053.425
TỔNG CHƯA TRẢ	10.392.083.562

3. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001296: 2.500.000.000 đồng; giải ngân ngày 13/05/2019, ngày đến hạn 13/11/2019, quá hạn từ ngày 14/11/2019; dư nợ 2.500.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	13/05/2019	27/09/2022	1234	9,5%	2.500.000.000	802.945.205
Lãi quá hạn	14/11/2019	27/09/2022	1049	4,75%	2.500.000.000	341.284.247
Dư nợ gốc						2.500.000.000
Lãi trong hạn						802.945.205
Lãi quá hạn						341.284.247
Tổng						3.644.229.452
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						134.691.781
Lãi quá hạn đã trả						-
Tổng						134.691.781
Dư nợ gốc chưa trả						2.500.000.000
Lãi trong hạn chưa trả						668.253.424
Lãi quá hạn chưa trả						341.284.247
TỔNG CHƯA TRẢ						3.509.537.671

4. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001323: 8.300.000.000 đồng; giải ngân ngày 15/05/2019, ngày đến hạn 15/11/2016, quá hạn từ ngày 16/11/2019; dư

nợ 8.300.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	15/05/2019	27/09/2022	1232	9,5%	8.300.000.000	2.661.457.534
Lãi quá hạn	16/11/2019	27/09/2022	1047	4,75%	8.300.000.000	1.130.903.425
Dư nợ gốc						8.300.000.000
Lãi trong hạn						2.661.457.534
Lãi quá hạn						1.130.903.425
Tổng						12.092.360.959
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						442.856.163
Lãi quá hạn đã trả						-
Tổng						442.856.163
Dư nợ gốc chưa trả						8.300.000.000
Lãi trong hạn chưa trả						2.218.601.371
Lãi quá hạn chưa trả						1.130.903.425
TỔNG CHƯA TRẢ						11.649.504.796

5. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001351: 8.760.000.000 đồng; giải ngân ngày 17/05/2019, ngày đến hạn 17/11/2016, quá hạn từ ngày 18/11/2019; dư nợ 8.760.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	17/05/2019	27/09/2022	1230	9,5%	8.760.000.000	2.804.400.000
Lãi quá hạn	18/11/2019	27/09/2022	1045	4,75%	8.760.000.000	1.191.300.000
Dư nợ gốc						8.760.000.000
Lãi trong hạn						2.804.400.000
Lãi quá hạn						1.191.300.000
Tổng						12.755.700.000
Dư nợ gốc đã trả						-

Lãi trong hạn đã trả	462.840.000
Lãi quá hạn đã trả	-
Tổng	462.840.000
Dư nợ gốc chưa trả	8.760.000.000
Lãi trong hạn chưa trả	2.341.560.000
Lãi quá hạn chưa trả	1.191.300.000
TỔNG CHƯA TRẢ	12.292.860.000

6. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001771: 7.400.000.000 đồng; giải ngân ngày 26/06/2019, ngày đến hạn 26/12/2016, quá hạn từ ngày 27/12/2019; dư nợ 7.400.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	26/06/2019	27/09/2022	1190	9,5%	7.400.000.000	2.291.972.603
Lãi quá hạn	27/12/2019	27/09/2022	1006	4,75%	7.400.000.000	968.791.781
Dư nợ gốc						7.400.000.000
Lãi trong hạn						2.291.972.603
Lãi quá hạn						968.791.781
Tổng						10.660.764.384
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						313.942.465
Lãi quá hạn đã trả						-
Tổng						313.942.465
Dư nợ gốc chưa trả						7.400.000.000
Lãi trong hạn chưa trả						1.978.030.138
Lãi quá hạn chưa trả						968.791.781
TỔNG CHƯA TRẢ						10.346.821.919

7. Giấy nhận nợ 6360-LDS-2019001856: 9.910.000.000 đồng; giải ngân ngày 05/07/2019, ngày đến hạn 05/01/2020, quá hạn từ ngày

06/01/2020; dư nợ 9.910.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Dư nợ (VND)	Số tiền (VND)
Lãi trong hạn	05/07/2019	27/09/2022	1181	9,5%	9.910.000.000	3.046.171.096
Lãi quá hạn	06/01/2020	27/09/2022	996	4,75%	9.910.000.000	1.284.498.904
Dư nợ gốc						9.910.000.000
Lãi trong hạn						3.046.171.096
Lãi quá hạn						1.284.498.904
Tổng						14.240.670.000
Dư nợ gốc đã trả						-
Lãi trong hạn đã trả						397.214.520
Lãi quá hạn đã trả						-
Tổng						397.214.520
Dư nợ gốc chưa trả						9.910.000.000
Lãi trong hạn chưa trả						2.648.956.576
Lãi quá hạn chưa trả						1.284.498.904
TỔNG CHƯA TRẢ						13.843.455.480

Tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là:

- Nợ gốc: 52.370.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 13.998.570.746 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 7.042.917.397 đồng

- Tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả: 73.411.488.143 (Bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba) đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A tiếp tục phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/09/2022 cho đến khi Công ty TNHH Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng.

Trường hợp, Công ty TNHH Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A vẫn không thanh toán toàn bộ số nợ nói trên, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 cho phát mãi các tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên để thu hồi nợ.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện hợp pháp của bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; những người có quyền và nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Thương mại Phòng cháy Chữa cháy A phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018. Đây là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0305189455 (đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 25 tháng 10 năm 2018) của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại: đường P, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự; Tuy nhiên đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Hồ T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị B, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Võ Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn N1, ông Võ Hoàng H, bà Nguyễn Hồng T1, ông Trần Văn Q, ông Võ Xuân M vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại Phòng cháy Chữa cháy A, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018 có đủ căn cứ xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã ký hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A, cụ thể:

- Hạn mức tín dụng là: 57.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ đồng).

- Thời hạn vay 12 tháng;

- Lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

- Hình thức trả nợ theo hạn trong từng giấy nhận nợ;

- Mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy, bảo cháy, chống sét;

[3.2] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001238 ngày 07/5/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 8.100.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 07/11/2019, ngày quá hạn là 08/11/2019; dư nợ gốc là 8.100.000.000 (tám tỷ một trăm triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 449.052.682 (bốn trăm bốn mươi chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 11.377.224.715 (mười một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm mười lăm) đồng, trong đó 8.100.000.000 (tám tỷ một trăm triệu) đồng là nợ gốc, 2.165.139.099 (hai tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu một trăm ba mươi chín nghìn không trăm chín mươi chín) đồng nợ lãi trong hạn và 1.112.085.616 (một tỷ một trăm mười hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.3] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001267 ngày 09/5/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 7.400.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 09/11/2019, ngày quá hạn là 10/11/2019; dư nợ gốc là 7.400.000.000 (bảy tỷ bốn trăm triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 406.391.780 (bốn trăm lẻ sáu triệu ba trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 10.392.083.562 (mười tỷ ba trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó 7.400.000.000 (bảy tỷ bốn trăm triệu) đồng là nợ gốc, 1.978.030.138 (một tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi tám) đồng nợ lãi trong hạn và 1.014.053.425 (một tỷ không trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.4] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001296 ngày 13/5/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 2.500.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 13/11/2019, ngày quá hạn là 14/11/2019; dư nợ gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 134.691.781 (một trăm

ba mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 3.509.537.671 (ba tỷ năm trăm lẻ chín triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một) đồng, trong đó 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng là nợ gốc, 668.253.424 (sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng nợ lãi trong hạn và 341.284.247 (ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.5] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001323 ngày 15/5/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 8.300.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 15/11/2019, ngày quá hạn là 16/11/2019; dư nợ gốc là 8.300.000.000 (tám tỷ ba trăm triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 442.856.163 (bốn trăm bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 11.649.504.796 (mười một tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó 8.300.000.000 (tám tỷ ba trăm triệu) đồng là nợ gốc, 2.218.601.371 (hai tỷ hai trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi một) đồng nợ lãi trong hạn và 1.130.903.425 (một tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm lẻ ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.6] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001351 ngày 17/5/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 8.760.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 17/11/2019, ngày quá hạn là 18/11/2019; dư nợ gốc là 8.760.000.000 (tám tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 462.840.000 (bốn trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 12.292.860.000 (mười hai tỷ hai trăm chín mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, trong đó 8.760.000.000 (tám tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng là nợ gốc, 2.341.560.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng nợ lãi trong hạn và 1.191.300.000 (một tỷ một trăm chín mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.7] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001771 ngày 26/6/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 7.400.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 26/12/2019, ngày quá hạn là 27/12/2019; dư nợ gốc là 7.400.000.000 (bảy tỷ bốn trăm triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 313.942.465 (ba trăm mười ba triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 10.346.821.919 (mười tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười chín) đồng, trong đó 7.400.000.000 (bảy tỷ bốn trăm triệu) đồng là nợ gốc, 1.978.030.138 (một tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi tám) đồng nợ lãi trong hạn và 968.791.781 (chín trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi mốt) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.8] Căn cứ Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001856 ngày 05/7/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giải ngân cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A số tiền 9.910.000.000 đồng; ngày đến hạn phải thanh toán của giấy nhận nợ trên là 05/01/2020, ngày quá hạn là 06/01/2020; dư nợ gốc là 9.910.000.000 (chín tỷ chín trăm mười triệu) đồng; Lãi suất cho vay: 9,5 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền lãi trong hạn là: 397.214.520 (ba trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm hai mươi) đồng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A còn phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tổng cộng là 13.843.455.480 (mười ba tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi) đồng, trong đó 9.910.000.000 (chín tỷ chín trăm mười triệu) đồng là nợ gốc, 2.648.956.576 (hai tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu) đồng nợ lãi trong hạn và 1.284.498.904 (một tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn) đồng nợ lãi quá hạn.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán lãi chậm trả.

[3.9] Do vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022, bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A còn nợ nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng số tiền là: 73.411.488.143 đồng (Bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là: 52.370.000.000 (năm mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng.

+ Tiền nợ lãi trong hạn là: 13.998.570.746 (mười ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng.

+ Tiền nợ lãi quá hạn 7.042.917.397 (bảy tỷ không trăm bốn mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng.

[3.10] Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

[3.11] Căn cứ điểm 1.1.2 khoản 1.1 Điều 1 của hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018 quy định:

“...1.1.2. **Giấy nhận nợ:** là văn bản nhận nợ do khách hàng lập và ký với nội dung cơ bản theo mẫu quy định của Ngân hàng hoặc biên bản làm việc có ký nhận nợ của Khách hàng hoặc các văn bản, tài liệu do Khách hàng ban hành có nội dung nhận nợ, hoặc văn bản thông báo của ngân hàng về khoản nợ của Khách hàng tại Ngân hàng...”.

Căn cứ khoản 5.2.1, 5.2.2 khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018 quy định:

“...5.2.1. *Trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn:*

a) *Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày đến hạn trả nợ lãi sau:*

- *Ngày đến hạn trả nợ lãi được xác định định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng.*

b) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc trong hạn nhân (x) số ngày dư nợ trong hạn nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn năm chia (:) cho **ba trăm sáu mươi lăm** (365) ngày.

5.2.2 Trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn:

a) Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này.

b) Lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn được tính bằng (=) dư nợ gốc bị quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn năm chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

c) Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm: Số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại khoản 5.10 Điều 5 Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng này”

[3.12] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Hồ Trung là đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền 52.370.000.000 (năm mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Ông xác định còn nợ số tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên việc kinh doanh khó khăn nên không thể thanh toán được cho nguyên đơn. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án.

Từ những phân tích từ mục [3.1] đến [3.12] có cơ sở để kết luận bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A còn nợ nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/9/2022 là: 73.411.488.143 đồng (bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là: 52.370.000.000 (năm mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng; tiền nợ lãi trong hạn là: 13.998.570.746 (mười ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng; tiền nợ lãi quá hạn là: 7.042.917.397 (bảy tỷ không trăm bốn mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A phải thanh toán số tiền trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.13] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phòng cháy chữa cháy A, ông Nguyễn Xuân M đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6360-LCL-201801077 ngày 30 tháng 10 năm 2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6360-LCL-201801256 ngày 27 tháng 12 năm 2018 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bằng hai tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường Đ, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 874521, sổ vào sổ cấp GCN: CH00555 do UBND Quận 2 cấp ngày 07/09/2010, cập nhật chuyển nhượng ngày 12/12/2018 thuộc sở hữu của ông Võ Xuân M

+ Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường H, phường N, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797612679101403, hồ sơ gốc số: 3599/2009.UB.GCN do UBND quận 12 cấp ngày 31/07/2009, cập nhật chuyển nhượng ngày 29/05/2018 thuộc sở hữu của ông Võ Xuân M .

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân M . Tuy nhiên ông Võ Xuân M không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân M đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng số công chứng 003919, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 26/12/2018 tại trụ sở Văn phòng Công chứng Đỗ Trí Tín, Tp. HCM, địa chỉ: 72 – 72/2A Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số: đường T, phường Đ, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 874521, sổ vào sổ cấp GCN: CH00555 do UBND Quận 2 cấp ngày 07/09/2010, cập nhật chuyển nhượng ngày 12/12/2018 thuộc sở hữu của ông Võ Xuân M) là tài sản riêng của ông Võ Xuân M , không liên quan gì đến bà Lê Thị Kiều O.

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận xác nhận tài sản riêng số công chứng 010108, quyền số 06/TP/CC-SCC/CK, ngày 08/6/2018 tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: ông Võ Xuân M là chủ

sở hữu, chủ sử dụng đất tại địa chỉ: đường H, phường N, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797612679101403, hồ sơ gốc số: 3599/2009.UB.GCN do UBND quận 12 cấp ngày 31/07/2009, cập nhật chuyển nhượng ngày 29/05/2018) là tài sản riêng của ông Võ Xuân M, không liên quan gì đến bà Lê Thị Kiều O.

Căn cứ vào các Khoản 7 Điều 323 và Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015 trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng thỏa thuận thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo Điều 303 và Điều 307 Bộ luật Dân sự 2015. Nên, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ dư nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.14] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.15] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/09/2022 cho đến khi Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A thanh toán hết số nợ gốc cho nguyên đơn.

Căn cứ Điều 5.10 của hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018: *“Đến kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng này, nếu Khách hàng không trả nợ, không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này”*.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là do nguyên nhân khách quan do tình hình dịch bệnh covid kéo dài, bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A không hợp tác gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí:

Bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Khoản 7 Điều 323, Khoản 1 Điều 299, Điều 303 và Điều 307, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị B, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Võ Hoàng L, ông Nguyễn Văn N1, ông Võ Hoàng H, bà Nguyễn Hồng T1, ông Trần Văn Q, ông Võ Xuân M .

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Phòng cháy Chữa cháy A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 27/09/2022 là: 73.411.488.143 đồng (bảy mươi ba tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là: 52.370.000.000 (năm mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 13.998.570.746 (mười ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng; số tiền nợ lãi quá hạn 7.042.917.397 (bảy tỷ không trăm bốn mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 28/09/2022 Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201801139 ngày 26/10/2018 và Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001238 ngày 07/5/2019; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001267 ngày 09/5/2019; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001296 ngày 13/5/2019; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001323 ngày 15/5/2019; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001351 ngày 17/5/2019; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001771 ngày 26/6/2021; Giấy nhận nợ số: 6360-LDS-2019001856 ngày 05/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2.3] Sau khi Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A thanh toán hết nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp và hoàn trả lại cho ông Võ Xuân M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 874521, sổ vào sổ cấp GCN: CH00555 do UBND Quận 2 cấp ngày 07/09/2010, cập nhật chuyển nhượng ngày 12/12/2018; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797612679101403, hồ sơ gốc số: 3599/2009.UB.GCN do UBND Quận 12 cấp ngày 31/07/2009, cập nhật chuyển nhượng ngày 29/05/2018.

[2.4] Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường Đ, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 874521, sổ vào sổ cấp GCN: CH00555 do UBND quận 2 cấp ngày 07/09/2010, cập nhật chuyển nhượng ngày 12/12/2018; Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường H, phường N, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797612679101403, hồ sơ gốc số: 3599/2009.UB.GCN do UBND Quận 12 cấp ngày 31/07/2009, cập nhật chuyển nhượng ngày 29/05/2018 để thu hồi nợ.

Ông Võ Xuân M được nhận số tiền chênh lệch trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp lớn hơn nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A thì Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A còn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

[3] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng theo phiếu thu số 06 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí:

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại phòng cháy chữa cháy A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 181.411.488 (một trăm tám mươi một triệu bốn trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi tám) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 82.640.000 (tám mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số: AA/2019/0041520 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty TNHH thương mại phòng cháy chữa cháy A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị B, bà Phan Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Võ Hoàng L, ông Nguyễn Văn N1, ông Võ Hoàng H, bà Nguyễn Hồng T1, ông Trần Văn Q, ông Võ Xuân M được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Thúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Đào Lê Anh